

GIẢI PHÁP TÌM VỐN CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THỜI KỲ KINH TẾ SUY GIẢM

TS. Nguyễn Đại Lai
NHNN Việt Nam

Tóm tắt: Bài viết bối cảnh kinh tế vĩ mô khiến các doanh nghiệp khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn ngân hàng và gợi ý các giải pháp tìm nguồn vốn ngoài ngân hàng thương mại (NHTM) từ các quan hệ trong hiệp hội ngành hàng, từ các doanh nghiệp có quan hệ đầu vào, đầu ra... Bài viết cũng đưa ra các giải pháp xuất phát từ quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp đối với chính phủ trong việc ban hành các cơ chế đảm bảo ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi giữa các bên cung ứng – sản xuất và trong quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp.

Từ khóa: Tìm vốn cho doanh nghiệp, vốn ngoài ngân hàng.

Đặt vấn đề

Theo báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình kinh tế - xã hội năm 2011 công bố tại phiên họp sáng 01/10/2011, cho biết: trong 9 tháng đầu năm 2011, cả nước đã có tới 48.700 doanh nghiệp tuyên bố giải thể hoặc ngừng hoạt động (đến cuối năm con số này đã lên đến trên 49.000 doanh nghiệp). Trong đó, giải thể: 5.803; ngừng hoạt động: 11.421; dừng nộp thuế nhưng chưa đăng ký giải thể: 31.477 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp giải thể và dừng hoạt động đã tăng tới 22% so cùng kỳ 2010. Rất nhiều doanh nghiệp khác phải hoạt động cầm chừng, giải phóng công nhân, thu hẹp lĩnh vực sản xuất và thua lỗ rất nặng nề. Vốn vay do đó bị quá hạn và không có khả năng chi trả cũng rất lớn. Trong gần 500 doanh nghiệp niêm yết trên các sàn chứng khoán, trong báo cáo kết quả kinh doanh quý 1, có 13% doanh nghiệp lỗ, 54% giảm lợi nhuận so cùng kỳ, hệ số tổng nợ/vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ bình quân 1,5 xuống còn 1,27... (Thành Tâm, 2011). Vậy NHTM và doanh nghiệp Việt Nam phải làm gì để giải bài toán về vốn? Bài viết này cố gắng nhận diện và đề xuất một hệ thống các giải pháp góp phần giải bài toán về vốn cho doanh nghiệp.

Cơ sở lý thuyết

Theo Mankiw (2001), lý thuyết kinh tế vĩ mô $M2 = (1+k)/(k+r+e)*MB$. Trong đó: D là tiền gửi của nền kinh tế trong NHTM với mọi kỳ hạn (ngắn và trung hạn), $k = C/D$ là tỷ trọng tiền mặt C so với tiền gửi D, $r = R/D$ là tỷ trọng tiền gửi dự trữ bắt buộc của các NHTM tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN) so với tiền gửi theo qui định, $e = E/D$ là tỷ trọng tiền mặt trong quỹ so với tiền gửi tại NHTM để đảm bảo thanh toán tức thì theo qui định). Biểu thức $(1+k)/(k+r+e)$ chính là số nhân tổng phương tiện thanh toán hay còn gọi là hệ số nhân tiền tệ. Hầu hết các chỉ tiêu cấu thành $M2$ gồm MB (tiền cơ sở - Monetary Base) và các hệ số k, r, e đều là những biến số hoàn toàn do NHNN làm chủ và kiểm soát được. Tuy nhiên trong bối cảnh lạm phát nên tiền chỉ đơn giản để làm phương tiện thanh toán (do giá tăng) thay vì vào ngân hàng để đi ra sản xuất, do đó vòng quay tiền tệ sẽ nhỏ đi chỉ vì $k=C/D$ lớn lên, thanh khoản trong các ngân hàng sẽ thêm căng thẳng. Muốn có vốn hoạt động, không có cách nào khác phải đi qua đồng thời cả ba hoặc một trong ba kênh: giảm lạm phát, tăng tiền gửi và tăng tái cấp vốn (TCV).

Điều này khẳng định lạm phát là nguyên nhân lớn nhất gây nên tình trạng tăng lãi suất, đến lượt nó lãi suất tăng đã là hòn đá tảng chấn sự tiếp cận của doanh nghiệp với ngân hàng. Nếu kéo dài tình trạng này sẽ dẫn đến một thái cực tiêu cực khác cũng nguy hiểm không kém vì nền kinh tế không tạo ra giá trị mới, sản phẩm dở dang và tồn kho lớn, thu nhập thấp, người lao động không có tiền, thất nghiệp cao.

Từ sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu 2008, tiếp liền sau đó lại xuất hiện cuộc khủng hoảng nợ công khiến sụt giảm thị trường tiêu thụ tại châu Âu, tại nước Mỹ, làm cho vấn đề “thừa tiền nhưng thiếu vốn” thông qua lạm phát và đe dọa tái suy thoái toàn cầu lại đặt ra với nhiều nền kinh tế, trong đó có Việt Nam. Tại nước ta, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng sau so với tháng trước trong các tháng cuối năm 2011 tuy đã giảm dần, nhưng suốt cả năm không có tháng nào lạm phát về 0 hoặc âm, đã đưa lạm phát năm 2011 lên 18,58% so với cuối năm trước, cao nhất khu vực... Do đó, tiền đã “trú ẩn” vào giá cả hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ tới ngót 20% tổng phương tiện thanh toán cho tiêu dùng và dịch vụ suốt năm qua. Đây chính là lý do giải thích vì sao ngoài một bộ phận phương tiện thanh toán trú vào vàng, đóng băng trong chứng khoán, bất động sản và dù tốc độ tăng tín dụng năm 2011 rất nhỏ so năm 2010 mà các NHTM vẫn rất “đói” thanh khoản.

Ngay từ tháng 6/2011, khi đang chống lạm phát thì Việt Nam áp dụng trần lãi suất huy động trước khi tìm cách tăng cung hàng hóa, giảm lạm phát, định hướng dòng vốn tín dụng và hạ lãi suất cho vay, dẫn đến người gửi không “mạnh tay” vì sợ lãi suất kỳ vọng thực âm. Trong bối cảnh lạm phát, lãi suất cho vay cao dẫn đến tình trạng chi phí sản xuất quá cao, sản phẩm dở dang lớn, nhất là các sản phẩm sử dụng vốn trung và dài hạn, lao động dư dôi gia tăng. Vậy là tiền nằm ngoài hệ thống NHTM đi tìm đến

tiêu dùng, vàng, ngoại tệ, một phần “chết” trong chứng khoán, bất động sản và đầu cơ tín dụng đen... không quay lại được với ngân hàng, làm cho giá vàng trong nước dâng cao hơn quốc tế bắt đầu từ tháng 8/2011 sau khi đã xuất khẩu được hơn 1,2 tỷ USD từ đầu năm. Giá vàng trong nước càng tăng hơn khi một nhóm nhỏ đối tượng được mở tài khoản nước ngoài, được bán và nhập khẩu vàng, đầu cơ (suốt nửa năm qua, chỉ có nhóm G5 + 1, gồm 5 đơn vị trong hệ thống ngân hàng và SJC được kinh doanh vàng tài khoản)... làm chênh lệch giữa giá vàng trong nước cao hơn ngoài nước bị duy trì thời gian dài từ 1-4 triệu đồng/lượng, kích thích nhập lậu vàng và tạo ra phản ứng đẩy giá USD lên vào cuối năm... Nhờ càng cuối năm lượng kiều hối chảy về càng nhiều, đã góp phần giảm áp lực tăng tỷ giá.

Khi nghiên cứu việc tìm kiếm vốn thực tế trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thì thấy dường như cả nền kinh tế đang đứng trước những thách thức “lưỡng nan” nói trên. Về mặt quan điểm, theo tác giả có thể và cần phải đi tìm lời giải bài toán vốn cho doanh nghiệp lúc này. Trước hết các doanh nghiệp Việt Nam phải tìm cách tự cứu mình trước khi cầu cứu tới ngân hàng bằng phương châm: “Việc tạo vốn cho sản xuất, kinh doanh không nhất thiết chỉ nhìn duy nhất vào các NHTM”. Vốn được hình thành từ nhiều kênh khác nhau, một bộ phận vốn không nhỏ đang nằm trong chính giá cả hàng hóa và ở trong khâu tiêu thụ. Lợi dụng sự lệch pha vốn và hạn chế sự lãng phí các nguồn vốn thừa, thiếu cục bộ của chính các doanh nghiệp cũng như hữu dụng hóa các nguồn vốn tiềm tàng đang hiện hữu trong nền kinh tế ngoài kênh NHTM cần được thể chế hóa hoặc nhận diện để mở đường cho doanh nghiệp có thêm nhiều kênh tạo vốn phi truyền thống ở nước ta theo các đề xuất sẽ nêu dưới đây. Với những lý thuyết và nhận dạng từ thực tiễn nêu trên, tác giả đề xuất hai nhóm giải pháp cụ thể sau:

Về các giải pháp tìm vốn ngoài NHTM

Một là, vai trò của các Hội nghề nghiệp phải được pháp luật cho bổ sung các chức năng làm đầu mối để tổ chức hình thành các định chế quỹ đầu tư hoặc công ty tài chính liên doanh từ các pháp nhân có vốn đóng góp của các doanh nghiệp thành viên (nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không đủ sức tự mình “lên sàn”) để tạo ra các pháp nhân đủ tư cách đăng ký và phát hành chứng chỉ Quỹ hay trái phiếu Công ty tài chính liên doanh để hút vốn đầu tư trên thị trường chứng khoán (TTCK) khi có phương án khả thi, hoặc gọi vốn đầu tư vào chứng khoán của quỹ đầu tư hay công ty tài chính đối với các NHTM để tạo vốn trực tiếp cho cụm doanh nghiệp là thành viên của quỹ đầu tư hay công ty tài chính theo qui chế. Nghĩa là quỹ đầu tư hay công ty tài chính của từng nhóm các doanh nghiệp có quan hệ vốn và thị trường gắn gũi nhau, hiểu biết rất rõ lẫn nhau, có các thông tin minh bạch qua xác nhận từ cơ quan kiểm toán, cơ quan thuế, cơ sở dịch vụ thông tin tín dụng cấp tin rõ ràng... cũng sẽ tạo ra những hàng hóa cả sơ cấp để tạo vốn kinh doanh cho các doanh nghiệp thành viên của mình, cả thứ cấp để “xã hội hóa” qua các cuộc chạy tiếp sức của các nhà kinh doanh chứng khoán trên TTCK.

Hai là, các doanh nghiệp có quan hệ đầu vào, đầu ra ổn định hoặc có chung hiệp hội hay hội nghề nghiệp có đủ tín nhiệm với nhau, cần liên kết thực hiện các nghiệp vụ mua – bán chịu bằng cách phát hành cho nhau các giấy nhận nợ hoặc quyền đòi nợ trong thời hạn thỏa thuận để sử dụng hàng hóa tạm thời nhàn rỗi của từng bên để duy trì sản xuất và tiêu thụ. Phương pháp “gối đầu” hàng hóa đã có rất lâu đời trong giới tiểu thương, nhưng trên cơ sở hoàn toàn tự phát và rất ít xuất hiện ở các doanh nghiệp. Nay đã có Luật các công cụ chuyển nhượng nên có thể phát động rộng rãi trong các làng nghề, các hội ngành nghề để vận dụng pháp luật và phát huy vai trò tư vấn, uy tín... của chính các doanh nghiệp cũng như của các hội, hiệp hội của họ để kênh này phát

triển một cách tự nguyện, có tổ chức và hiệu quả hơn. Nhà nước cần khuyến khích, có chính sách để mở đường và quản lý hoạt động tạo vốn này của các doanh nghiệp Việt Nam.

Ba là, Chính phủ cần ban hành cơ chế ràng buộc giữa các nhà máy chế biến với các bên sản xuất hay cung ứng thường xuyên, ổn định nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào cho nhà máy một cách thống nhất, minh bạch. Các nhà máy phải “đặt cọc” bằng một tỷ lệ vốn nhất định so với tổng giá trị thu mua bình quân theo công suất nhà máy cho các bên sản xuất và cung ứng nguyên, nhiên liệu đầu vào để đảm bảo sự hoạt động thường xuyên, đủ công suất của nhà máy, đồng thời ràng buộc bên cung ứng phải có trách nhiệm giữ uy tín về giá, về số lượng hàng hóa cung ứng theo cam kết tương ứng với số vốn nhận đặt cọc... Theo đó chuyển dần quan hệ vay vốn từ bên cung ứng nguyên nhiên vật liệu với ngân hàng sang quan hệ tìm vốn thông qua đơn vị thu mua với ngân hàng. Nguyên tắc này cũng nên áp dụng cả đối với những tập đoàn công nghiệp, theo hướng công ty mẹ sẽ là người lo vốn chính trên thị trường tài chính cho các công ty con...

Bốn là, nhà nước cần khuyến khích bằng chính sách và đầu tư cho đào tạo và sử dụng nhân tài, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thiên nhiên quốc gia, hạn chế trả thảm đở mời gọi nước ngoài, hạn chế các chủng loại hàng xuất thô, tạo ra các ngành công nghiệp mũi nhọn mang dấu ấn Việt Nam và khai thác triệt để nguồn lực tiềm năng và thị trường nội địa. Nên vận dụng mô hình kinh tế các nước và vùng lãnh thổ Đông Bắc Á (Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông...) để điều chỉnh chiến lược tiếp nhận chuyển giao công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng trực tiếp làm chủ khoa học công nghệ.

Về các giải pháp trong quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng

Ngoài các nỗ lực giảm lãi suất của NHTM khi điều kiện khách quan cho phép song hành với

quá trình chống lạm phát có hiệu quả, trong bối cảnh “cả nước cùng chống lạm phát” này, NHNN và các NHTM rất nên tạo dựng uy tín, chia sẻ khó khăn với các doanh nghiệp bằng các giải pháp sau đây:

Một là, NHNN nên làm đầu mối mua vốn của NHTM thừa với lãi suất bằng lãi suất TCV do NHNN ấn định - 1% và bán lại cho NHTM thiếu bằng hoặc xấp xỉ lãi suất TCV cùng kỳ, không cao hơn lãi suất cho vay ngoài thị trường 1, vừa phát huy vai trò quản lý nhà nước, vừa đúng nghiệp vụ điều tiết, mua - bán cuối cùng trên thị trường 2 của NHNN, nhằm ổn định thị trường này và chống lại hiện tượng “cá lớn nuốt cá bé” ngay trong ao nhà (M.Q, 2011).

Hai là, để chống lạm phát mà không làm tăng giá vốn, NHNN nên tăng dự trữ bắt buộc bình đẳng với mọi NHTM để hút tiền về NHNN, đồng thời NHNN trích quỹ điều hành để trả lãi một phần cho số dự trữ bắt buộc và dùng chính nguồn dự trữ bắt buộc trong ngắn hạn này để điều hòa thanh khoản ngắn hạn cho các NHTM có nguy cơ rủi ro thanh khoản và có năng lực hấp thụ, tái sinh vốn hoàn trả cho NHNN.

Ba là, trong thời kỳ chống lạm phát, nhất thiết NHNN phải hút ròng tiền về qua thị trường mở (OMO), đồng thời qua thị trường liên ngân hàng, NHNN có thể: điều tiết thanh khoản của từng NHTM, TCV cho NHTM thiếu vốn ngắn hạn bằng cách mua vào trái phiếu chính phủ mà họ sở hữu, thậm chí TCV cho thế chấp bằng chính vốn điều lệ của họ kèm các biện pháp kiểm soát có điều kiện chặt chẽ của NHNN trước khi tái cơ cấu sở hữu hoặc áp dụng giải pháp mạnh khác.

Bốn là, các NHTM có thể tư vấn cho doanh nghiệp miễn phí về các lĩnh vực đầu tư sản xuất có hiệu quả, đồng thời liên doanh với doanh nghiệp để tham gia tài trợ hoặc đồng tài trợ cho doanh nghiệp thực hiện các dự án sản xuất, dịch vụ được xác định rõ tính khả

thi - đặc biệt là các ngành công nghiệp phụ trợ hay công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng... Thậm chí cần phát triển tín dụng tiêu dùng để kích hoạt cho khu vực sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

Năm là, các NHTM nên có chính sách ưu đãi lãi suất với nhóm khách hàng thường xuyên có tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn với số lượng tương đối lớn ổn định (ví dụ từ 0,3 tỷ trở lên) tại ngân hàng của mình, theo hướng tổng chênh lệch lãi suất ròng của NHTM với khách hàng đó không lớn hơn một tỷ lệ % nào đó (ví dụ không quá 2,5-3%) so với tổng tiền gửi bình quân (qui ra thời hạn và lượng tiền gửi bình quân) của doanh nghiệp đó tại ngân hàng (Nguyễn Đại Lai, 2011). Giải pháp này vừa cứu được doanh nghiệp do hạ lãi suất cho vay trước, vừa hút được khách hàng đối với NHTM - nghĩa là NHTM tìm cách kéo khách hàng gửi thông qua lãi suất cho vay thấp đối với chính các khách hàng doanh nghiệp “ruột” của mình. Kết hợp với những tiềm năng giảm chi phí khác, các NHTM nên chủ động giảm lãi suất cho vay trước khi giảm lãi suất huy động để chia sẻ một phần khó khăn với doanh nghiệp.

Sáu là, trong nội bộ các NHTM, thông qua Hiệp hội Ngân hàng nên bổ sung thêm thị trường mua - bán nợ lẫn nhau (nợ tốt là chính). Theo đó, Hiệp hội Ngân hàng có thể thành lập công ty mua bán nợ hoặc công ty môi giới mua bán nợ để khai thác các khoản vốn phải thu - phải trả chưa đáo hạn của NHTM này bán cho NHTM khác để bên bán tạo được vốn tức thời ngay trước khi đáo hạn và giảm tải cho thị trường tín dụng liên ngân hàng, bên mua vừa giảm được chi phí giải ngân, vừa đóng vai trò “tiếp quản” mọi quyền lợi của khoản nợ tới ngày đáo hạn và xử lý rủi ro (nếu có) do món nợ đó để lại...

Bảy là, khuyến khích các khách hàng là doanh nghiệp sử dụng trái phiếu doanh nghiệp trong danh mục các doanh nghiệp được xếp hạng AAA, AAB do CIC hay tổ chức

xếp hạng có uy tín công bố làm tài sản thế chấp vay vốn ngắn hạn tại NHTM để các NHTM có thể chạy tiếp sức với TTCK, cung ứng vốn rẻ cho sản xuất, kinh doanh, đồng thời cũng kích hoạt cho các doanh nghiệp có uy tín nên tìm vốn trên TTCK trước khi gõ cửa NHTM. Cơ quan có thẩm quyền nên ban hành cơ chế chia sẻ thông tin của các doanh nghiệp Việt Nam thông qua cơ quan thông tin tín dụng để tạo nguồn tin pháp nhân cho cơ quan này tổ chức xếp hạng tín dụng và kể cả xếp hạng tín nhiệm làm cơ sở phát hành trái phiếu doanh nghiệp trên TTCK.

Tám là, nên sớm dỡ bỏ qui định trần lãi suất ở thị trường 1. Nếu buộc phải sử dụng biện pháp hành chính để can thiệp lãi suất thì nên là ngắn hạn và chỉ áp “hành chính” ở lãi suất cho vay, nhưng là hành chính mềm, theo hướng: NHNN quy định lãi suất cho vay cao nhất ở thị trường 1 đối với mọi tổ chức tín dụng không được vượt quá 120% (hoặc 130%) so với lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn phổ biến (2-5 năm) trong đợt phát hành gần nhất so với thời điểm phát sinh tín dụng so sánh (sao cho lãi suất tín dụng đầu ra không vượt quá tỷ lệ lạm phát kỳ vọng (9%) + không quá 3% cho các qui định an toàn và dự phòng rủi ro và từ 2,5-3% cho các hoạt động nghiệp vụ tín dụng của NHTM mà không cần khống chế lãi suất huy động là bao nhiêu). Hiện nay lãi suất trúng thầu trái phiếu chính phủ loại kỳ hạn 3 năm chỉ giao động xung quanh 12,5-13,5%/năm, nếu khống chế theo lãi suất trái phiếu thời điểm hiện nay bằng nguyên tắc trên thì lãi suất cho vay cao nhất vào đầu năm 2012 này sẽ không quá 16-17,5%/năm, sau đó chắc

chắc sẽ giảm dần. Việc khống chế này nhằm tạo ra đường cong lãi suất dựa vào lãi suất chuẩn là lãi suất trái phiếu chính phủ - loại lãi suất đã không bao hàm tỷ lệ rủi ro mất vốn, mà chỉ bao hàm lạm phát kỳ vọng, khả năng chịu đựng của bên vay (bên phát hành) và năng lực sẵn sàng cho vay của bên mua trái phiếu. Cơ chế này tuy là hành chính, có tác dụng buộc cả hệ thống kinh tế cùng chia sẻ trách nhiệm chống lạm phát, sử dụng hiệu quả đồng vốn, nhưng lại là “hành chính” mềm và không chỉ NHNN kiểm soát được, mà cả Chính phủ cũng phải kiểm soát năng lực, hiệu quả sử dụng vốn trái phiếu trong bối cảnh cả nước cùng phấn đấu chống lạm phát, giảm nợ công và hạ lãi suất. Mặt khác khi có giảm lạm phát, lãi suất huy động bằng trái phiếu giảm thì cơ chế này vẫn có hiệu lực mà việc quản lý lãi suất vẫn sẽ không bị động. Trước

TỶ GIÁ BÌNH QUÂN CỦA VND VÀ USD THÁNG 04 + 05/2012

NGÀY	Trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng		Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương			
	THÁNG 04	THÁNG 05	THÁNG 04		THÁNG 05	
			Giá mua	Giá bán	Giá mua	Giá bán
1			20,800	20,860	20,850	20,930
2	20,828	20,828	20,800	20,860	20,840	20,900
3	20,828	20,828	20,800	20,860	20,820	20,870
4	20,828	20,828	20,800	20,860	20,820	20,870
5	20,828	20,828	20,815	20,875	20,820	20,870
6	20,828		20,810	20,870	20,820	20,870
7	20,828	20,828	20,810	20,870	20,835	20,885
8		20,828	20,810	20,870	20,830	20,890
9	20,828	20,828	20,810	20,860	20,830	20,880
10	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
11	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
12	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
13	20,828		20,820	20,870	20,820	20,870
14	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
15		20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
16	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
17	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
18	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
19	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
20	20,828		20,820	20,870	20,820	20,870
21	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
22		20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
23	20,828	20,828	20,820	20,870	20,820	20,870
24	20,828	20,828	20,830	20,880	20,830	20,880
25	20,828	20,828	20,830	20,880	20,830	20,880
26	20,828	20,828	20,830	20,880	20,830	20,880
27	20,828		20,850	20,930	20,830	20,880
28	20,828	20,828	20,850	20,930	20,830	20,880
29		20,828	20,850	20,930	20,830	20,880
30		20,828	20,850	20,930	20,840	20,890
31		20,828			20,840	20,890
BÌNH QUÂN	20,828	20,828	20,821	20,878	20,826	20,878

Mỹ Hạnh

mất, đây cũng là cơ chế khuyến khích hạ lãi suất cho vay trước, hạ lãi suất huy động sau. Mặt khác cơ chế này cũng sẽ xóa đi mặc cảm của thị trường lâu nay cho rằng NHNN không chế trần huy động, không những ít có tác dụng chống lạm phát mà lại có nhiều cơ hội để NHTM kéo giãn khoảng cách lãi suất giữa huy động và cho vay, hưởng lợi nhuận cao trong lúc người dân và các doanh nghiệp gặp muôn vàn khó khăn. Đồng thời cơ chế này sẽ nhanh chóng xác lập quyền lực hữu hiệu của Chính phủ trong việc giám sát NHNN thông qua đường cong lãi suất tín dụng ngay cả khi nhà NHNN tách ra thành NHNN độc lập với Chính phủ.

Tóm lại, trong khó khăn chung hiện nay, các cấp điều hành vĩ mô không nên quá lạm dụng các mệnh lệnh hành chính, bị động mà cần chủ động lợi dụng thị trường, vận dụng qui luật để nghiệp vụ hóa các chính sách sao cho mở đường và dẫn dắt được thị trường. Đối với các doanh nghiệp, càng khó khăn càng

phải dựa vào thị trường cùng các qui luật của nó để tự cứu mình trước khi người khác cứu trong việc tìm kiếm nguồn vốn kinh doanh. Đồng thời phải gắn TTCK với các NHTM để phát huy năng lực tạo vốn riêng có của từng thị trường bộ phận trong thị trường tài chính. Đó là những hướng đi rất cần được nhận dạng, linh hoạt và ưu tiên chọn lựa. Mặt khác, từ chính các giải pháp về chia sẻ khó khăn giữa ngân hàng với doanh nghiệp cũng sẽ là những kênh tạo vốn rẻ, khả thi, tức thời để “hai, ba bên cùng có lợi”, sẽ tạo điều kiện thị trường cho việc sớm giảm dần lãi suất cho vay ngay từ trước khi lạm phát giảm xuống, trước cả khi giảm lãi suất huy động hoặc NHTM khai thác mọi tiềm năng giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay trước. Phương châm của NHTM là hãy cứu lấy khách hàng trước khi cùng làm giàu với khách hàng bằng tốc độ cao hơn. Còn doanh nghiệp hãy chứng tỏ khả năng đa dạng hóa và sử dụng vốn vay có hiệu quả bằng uy tín hấp thụ vốn của mình[■]

Tài liệu tham khảo

1. M.Q (2011). Làm gì để tránh việc “cá lớn nuốt cá bé tại ao nhà”?. <http://vtc.vn/1-314708/kinh-te/lam-gi-de-tranh-viec-ca-lon-nuot-ca-be-tai-ao-nha.htm>.
2. Mankiw, N., G. (2001). *Principles of Macroeconomics*, 3rd edition, Worth Publisher, New York.
3. Nguyễn Đại Lai (2011). “Chống lạm phát không chỉ là rút tiền về”. <http://vneconomy.vn/20110608102631515P0C6/chong-lam-phat-khong-chi-la-rut-tien-ve.htm>.
4. Thành Tâm (2011). Tái cơ cấu doanh nghiệp nhỏ và vừa: Chủ động để tự cứu mình. <http://www.baomoi.com/Tai-co-cau-doanh-nghiep-nho-va-vua-Chu-dong-de-tu-cuu-minh/126/7230543.epi>.